

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ CHUYỂN ĐỔI ĐIỂM HỌC PHẦN NGOẠI NGỮ  
CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY, HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025-2026**

(Kèm theo Quyết định số 1247/QĐ-ĐHSPKT ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật)


**I. Sinh viên khóa tuyển sinh từ năm 2023 trở về trước**

| TT | Mã sinh viên   | Họ và tên        | Ngày sinh  | Lớp    | Chứng chỉ                          | Bậc | Ngoại ngữ I | Ngoại ngữ II | Ngoại ngữ III | Ngoại ngữ IV |
|----|----------------|------------------|------------|--------|------------------------------------|-----|-------------|--------------|---------------|--------------|
| 1  | 21115061120250 | Trần Trung Lĩnh  | 20/07/2003 | 21XD2  | QĐ số 180/QĐ-ĐHNN ngày 14/1/2026   | 3   | -           | 10           | 10            | -            |
| 2  | 22115041122248 | Nguyễn Văn Quyển | 15/05/2004 | 22C2   | QĐ số 1460/QĐ-ĐHNN ngày 17/4/2026  | 3   | -           | -            | 10            | -            |
| 3  | 22115042122130 | Huỳnh Thanh Lưu  | 06/02/2004 | 22DL1  | QĐ số 1460/QĐ-ĐHNN ngày 17/4/2026  | 3   | -           | -            | 10            | -            |
| 4  | 22115042122131 | Trần Công Minh   | 05/08/2004 | 22DL1  | QĐ số 2806/QĐ-ĐHNN ngày 08/8/2025  | 4   | -           | -            | 10            | -            |
| 5  | 22115042122142 | Võ Đức Nhớ       | 04/01/2004 | 22DL1  | QĐ số 4549/QĐ-ĐHNN ngày 02/12/2025 | 3   | -           | -            | 10            | -            |
| 6  | 22115072122104 | Lê Bạch Dương    | 12/03/2004 | 22MT1  | Chứng chỉ VSTEP                    | 3   | -           | -            | 10            | -            |
| 7  | 23115044122140 | Nguyễn Thanh Sơn | 09/05/2005 | 23CDT1 | Chứng chỉ TOEIC (575)              | 3   | -           | 10           | 10            | -            |
| 8  | 23115043122104 | Nguyễn Văn Châu  | 08/01/2005 | 23N1   | Chứng chỉ VSTEP                    | 3   | -           | 10           | 10            | -            |
| 9  | 23115053122144 | Nguyễn Tuấn Tín  | 06/03/2003 | 23T1   | Chứng chỉ TOEIC (765)              | 3   | -           | 10           | 10            | -            |
| 10 | 23115053122219 | Hồ Hữu Huy       | 20/08/2005 | 23T2   | Chứng chỉ JLPT (N4)                | 3   | -           | -            | 10            | 10           |
| 11 | 23115055122210 | Nguyễn Văn Hội   | 02/03/2005 | 23TDH2 | Chứng chỉ JLPT (N4)                | 3   | 10          | 10           | 10            | -            |
| 12 | 23115054122139 | Phạm Văn Vượng   | 01/08/2005 | 23DT1  | Chứng chỉ IELTS (4.5)              | 3   | 10          | 10           | 10            | -            |

Danh sách có 12 sinh viên./.

**II. Sinh viên khóa tuyển sinh từ năm 2024 trở về sau**

| TT | Mã sinh viên  | Họ và tên   | Ngày sinh  | Lớp    | Chứng chỉ                   | Bậc | Tiếng Anh A2.1 | Tiếng Anh A2.2 | Tiếng Anh A2.3 | Tiếng Anh B1.1 | Tiếng Anh B1.2 |
|----|---------------|-------------|------------|--------|-----------------------------|-----|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
| 1  | 2415041122304 | Hà Văn Châu | 29/10/2006 | 24C3   | Chứng chỉ VSTEP             | 4   | -              | -              | -              | 10             | 10             |
| 2  | 2415044122110 | Hoàng Gia   | 02/11/2006 | 24CDT1 | Chứng chỉ TOEIC (4 kỹ năng) | 3   | -              | -              | -              | 10             | 10             |

| TT | Mã sinh viên   | Họ và tên           | Ngày sinh  | Lớp      |  Chứng chỉ | Bậc | Tiếng Anh A2.1 | Tiếng Anh A2.2 | Tiếng Anh A2.3 | Tiếng Anh B1.1 | Tiếng Anh B1.2 |
|----|----------------|---------------------|------------|----------|---|-----|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
| 3  | 2415052222224  | Trần Văn Hiếu       | 20/03/2006 | 24D2     | Chứng chỉ VSTEP   | 3   | -              | 10             | 10             | 10             | 10             |
| 4  | 25115041125105 | Bùi Huy Bảo         | 14/10/2007 | 25C1     | QĐ số 180/QĐ-ĐHNN ngày 14/1/2026  | 3   | -              | 10             | 10             | 10             | 10             |
| 5  | 25115041125145 | Đặng Khánh Hưng     | 18/09/2007 | 25C1     | QĐ số 180/QĐ-ĐHNN ngày 14/1/2026  | 3   | -              | 10             | 10             | 10             | 10             |
| 6  | 25115041125230 | Nguyễn Mạnh Quân    | 26/06/2007 | 25C2     | QĐ số 180/QĐ-ĐHNN ngày 14/1/2026  | 3   | -              | -              | 10             | 10             | 10             |
| 7  | 25115041125221 | Phạm Vũ Phong       | 25/06/2007 | 25C2     | QĐ số 180/QĐ-ĐHNN ngày 14/1/2026  | 3   | -              | 10             | 10             | 10             | 10             |
| 8  | 25115041125213 | Trần Thành Nhân     | 18/02/2007 | 25C2     | QĐ số 180/QĐ-ĐHNN ngày 14/1/2026  | 4   | -              | 10             | 10             | 10             | 10             |
| 9  | 25115044125243 | Lê Phương Nhật      | 24/02/2007 | 25CDT2   | Chứng chỉ IELTS (6.0)   | 4   | -              | -              | -              | 10             | 10             |
| 10 | 25115044125236 | Nông Hoàng Nam      | 15/12/2007 | 25CDT2   | QĐ số 180/QĐ-ĐHNN ngày 14/1/2026  | 3   | -              | 10             | 10             | 10             | 10             |
| 11 | 25115041125345 | Huỳnh Trọng Tín     | 02/07/2007 | 25TKMPS1 | QĐ số 180/QĐ-ĐHNN ngày 14/1/2026  | 3   | -              | 10             | 10             | 10             | 10             |
| 12 | 25115061125211 | Nguyễn Hữu Anh Kiệt | 07/08/2007 | 25XD2    | QĐ số 180/QĐ-ĐHNN ngày 14/1/2026  | 4   | -              | -              | 10             | 10             | 10             |

Danh sách có 12 sinh viên./.